

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 8 – 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cư;

Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Chi L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Bình Minh, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Công Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 358, tổ 05, ấp Giồng Trà Dên, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Chi L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh Lê Công Đ tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới,

có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 274/TLKH, ngày 28/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Chi L và anh Lê Công Đ. Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ có tính gia trưởng, bảo thủ, có hành vi bạo lực đối với chị L mỗi khi anh Đ uống rượu bia, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Việc chị L bị anh Đ đánh có gửi hình ảnh về cho mẹ chồng nhưng mẹ chồng cũng không có ý kiến gì, từ khi ly thân chị L và anh Đ không gặp nhau cũng như gia đình hai bên cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng để chung sống lại. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung Lê Phát Đ, sinh ngày 05/10/2002 và Lê Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 07/6/2013 hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Đ và C đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Công Đ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Lê Thị Chi L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Công Đ đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập họp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Công Đ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận chị Lê Thị Chi L được ly hôn anh Lê Công Đ; về con chung: Có 02 con chung Lê Phát Đ, sinh ngày 05/10/2002 và Lê Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 07/6/2013 hiện chị L đang trực tiếp

nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con tên Lê Phát Đ, sinh ngày 05/10/2002 và Lê Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 07/6/2013 (các cháu Lê Phát Đ và Lê Ngọc Huỳnh C có nguyện vọng sống với mẹ là chị Lê Thị Chi L). Chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị HĐXX giao các cháu Lê Phát Đ và Lê Ngọc Quỳnh C cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Đ và C; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Lê Thị Chi L chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Chi L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Công Đ, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 358, tổ 05, ấp Giồng Trà Dên, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Công Đ đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Công Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 274/TLKH, ngày 28/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Chi L và anh Lê Công Đ. Tại thời điểm kết hôn chị L và anh Đ đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị L và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L cho rằng tình cảm vợ chồng

không còn, sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ có hành vi bạo lực đối với chị L mỗi khi anh Đ uống rượu bia và không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian chung sống anh Đ có hành vi bạo lực đối với chị L mỗi khi anh Đ và chị L có phát sinh mâu thuẫn; Mặt khác thời gian chị L và anh Đ không còn chung sống, anh Đ và chị L không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh Đ không gửi tự khai trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị L; Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu có duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung Lê Phát Đ, sinh ngày 05/10/2002 và Lê Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 07/6/2013 hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung tên Lê Phát Đ và Lê Ngọc Quỳnh C. Chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao các cháu Lê Phát Đ và Lê Ngọc Quỳnh C cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Đ và C thành niên, có khả năng lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Đ và C. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, chị L và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Chi L chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Chi L được ly hôn anh Lê Công Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 274/TLKH, ngày 28/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Chi L và anh Lê Công Đ không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung Lê Phát Đ, sinh ngày 05/10/2002 và Lê Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 07/6/2013 chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao các cháu Lê Phát Đ và Lê Ngọc Quỳnh C cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi các cháu Đ và C thành niên và có khả năng lao động được. Anh Lê Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của các con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị Lê Thị Chi L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa chị Lê Thị Chi L và anh Lê Công Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Chi L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002465 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm